

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

1. Yêu cầu về chủng loại vật tư, vật liệu đưa vào công trình

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Yêu cầu về chủng loại vật tư, vật liệu đưa vào công trình	Nhà thầu Có cam kết (hoặc hợp đồng nguyên tắc) kèm bảng thống kê các chủng loại, quy cách, xuất xứ, nguồn cung cấp nguyên vật liệu cấu kiện thiết bị đầu vào để phục vụ công tác thi công đảm bảo yêu cầu của E-HSMT	Đạt
	Không đáp ứng các yêu cầu nêu trên.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

2. Giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Đánh giá
2.1 Giải pháp kỹ thuật thi công, chi tiết các công tác chính của từng hạng mục như bản vẽ thiết kế	Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
2.2. Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, lán trại, phòng thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc, phương tiện vận chuyển vật tư, thiết bị trong quá trình thi công đảm bảo an toàn đối với các thiết bị, mạng lưới đang hoạt động không bị sự cố, gián đoạn của VNPT cũng như tài sản công trình khác của chủ thuê đất xây dựng CSHT	Có giải pháp tổ chức mặt bằng công trường chi tiết, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. Nhà thầu phải có phương án đảm bảo an toàn thông tin đối với các thiết bị, mạng lưới của VNPT, đảm bảo an toàn cho tài sản của VNPT cũng như tài sản công trình lân cận khác tại các địa điểm thực hiện	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên	Không đạt

2.3 Giải pháp kỹ thuật về tháo dỡ thu hồi và lắp dựng cột anten: -Giải pháp vận chuyển, bảo quản an toàn kết cấu cột anten từ nhà máy sản xuất đến công trình. -Giải pháp tháo dỡ, lắp đặt thiết bị vô tuyến đảm bảo an toàn thiết bị mạng lưới của chủ đầu tư -Giải pháp tháo dỡ, thu hồi vận chuyển cột anten cũ. -Giải pháp lắp dựng cột mới, giải pháp quy trình đấu nối hệ thống phụ trợ. -Đảm bảo thời gian để mất thông tin liên lạc trạm BTS, NodeB (tắt trạm để thay cột anten mới) không quá 48h kể từ khi được phép tắt trạm để thực hiện công tác thu hồi cột cũ và thay cột anten mới, tháo dỡ, lắp đặt thiết bị vô tuyến	Thuyết minh giải pháp kỹ thuật đầy đủ hợp lý, phù hợp với điều kiện thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình, phù hợp với phương án đảm bảo an toàn thông tin đối với các thiết bị, mạng lưới của VNPT, đảm bảo an toàn cho tài sản của VNPT cũng như tài sản công trình lân cận khác tại các địa điểm thực hiện. -Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật đầy đủ hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình. Đảm bảo thời gian để mất thông tin liên lạc trạm BTS, NodeB (tắt trạm để thay cột anten mới) không quá 48h kể từ khi được phép tắt trạm để thực hiện công tác thu hồi cột cũ và thay cột anten mới.	
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên	
2.3. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công	-Có Biện pháp thi công giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình, phù hợp với phương án đảm bảo an toàn thông tin đối với các thiết bị, mạng lưới của VNPT, đảm bảo an toàn cho tài sản của VNPT, như tài sản công trình khác của chủ thuê đất xây dựng CSHT tại các địa điểm thực hiện. - Có biện pháp tổ chức thi công chi tiết hợp lý cho cụ thể cho từng hạng mục, địa điểm đảm bảo chất lượng, tiến độ công trình. -Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình. Đảm bảo thời gian để mất thông tin liên lạc trạm BTS, NodeB (tắt trạm để thay cột anten mới) không quá 48h kể từ khi được phép tắt trạm để thực hiện công tác thu hồi cột cũ và thay cột anten mới. Có cam kết đủ điều kiện thi công	Đạt

	Không đáp ứng các yêu cầu trên	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

3. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1. Thời gian thi công: Đảm bảo thời gian thi công không quá 40 kể từ ngày hợp đồng ký kết có hiệu lực.	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 40 ngày	Đạt
	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 40 ngày.	Không đạt
3.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b).	Đạt
	Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b).	Không đạt
3.3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT	Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

4. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
4.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công; đảm bảo chất lượng thi công các hạng mục ẩn khuất...	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Có quy trình quản lý chất lượng, biện pháp quản lý chất lượng công trình đáp ứng các quy định tại chương V, E- HSMT	
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
4.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để	Có biện pháp kiểm tra, kiểm soát bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề	Đạt

phục vụ công tác thi công.	xuất về biện pháp tổ chức thi công.	
	Không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp kiểm tra, kiểm soát bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

5. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
5.1. An toàn lao động		
Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công cũng như địa điểm thi công công trình. Nhà thầu có cam kết đủ điều kiện thực hiện và đảm bảo an toàn vệ sinh lao động khi thực hiện công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật	Đạt
	Không đáp ứng các điều kiện trên	Không đạt
5.2. Vệ sinh môi trường		
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công cũng như địa điểm thi công công trình.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, không phù hợp với địa điểm thi công công trình.	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

6. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
6.1. Bảo hành	Có thuyết minh và đề xuất phương án bảo hành. Tuân thủ theo yêu cầu bảo hành tại chương V Yêu cầu kỹ thuật. Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng	Đạt
	Không có thuyết minh và đề xuất phương án bảo hành. Không Tuân thủ theo yêu cầu bảo hành tại	Không đạt

	chương V Yêu cầu kỹ thuật, hoặc thuyết minh, phương án không phù hợp Thời gian bảo hành: < 12 tháng	
6.2. Uy tín của nhà thầu		
Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó từ khi thành lập đến nay.	Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu trong vòng 03 năm trở lại đây(tính từ thời điểm đóng thầu).	Đạt
	Có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

7. Các yêu cầu khác:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
7.1. Yêu cầu thanh toán, tạm ứng hợp đồng		
Tuân thủ điều kiện thanh toán và tạm ứng	Nhà thầu cam kết tuân thủ điều khoản tạm ứng và thanh toán của E HSMT	Đạt
	Nhà thầu không cam kết tuân thủ điều khoản tạm ứng và thanh toán của E HSMT	Không đạt
7.2 Đáp ứng các yêu cầu quy định tại chương V – E HSMT		
Đáp ứng yêu cầu tại chương V, E – HSMT	Nhà thầu đáp ứng đầy đủ mọi yêu cầu quy định tại chương V – Yêu cầu về Kỹ thuật của E-HSMT.	Đạt
	Nhà thầu được đánh giá là không đáp ứng một hoặc nhiều yêu cầu quy định tại chương V – Yêu cầu về Kỹ thuật của E- HSMT.	Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về giá

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 26 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) cộng ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.